

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng
2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 895/2022/HNST ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc M**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài N**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được bà Huỳnh Ngọc M (nguyên đơn) trình bày:

Bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, bà M và ông N xảy ra rất nhiều mâu thuẫn về vấn đề nhìn nhận cuộc sống và quan điểm sống quá khác nhau. Mặc dù bà M cố gắng khắc phục và rất nhiều lần cố gắng hàn gắn cải thiện mối quan hệ nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà M xét thấy tình cảm không còn, bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

Về con chung: Bà M và ông N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoài Kha, sinh này: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ M, sinh ngày: 07/2/2018. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Nguyễn Hoài Khang và Nguyễn Huỳnh Tuệ Mẫn, bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Bị đơn ông Nguyễn Hoài N vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận bà Huỳnh Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh ngày: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ M, sinh ngày: 07/2/2018, hiện đang sinh sống với bà M. Giao Nguyễn Hoài Khang và Nguyễn Huỳnh Tuệ Mẫn cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoài N. Tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Ngọc M nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Hoài N. Ông Nguyễn Hoài N cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hoài N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Huỳnh Ngọc M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông N theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Hoài N đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N, nhưng ông N không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông N tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 4 năm 2018, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Ngọc M xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[6]. Xét thấy bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N có cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh

phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông N cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bàM và ông N mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc M về việc xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

[7] Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoài Khang, sinh ngày: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ Mẫn, sinh ngày: 07/02/2018. Hiện 02 trẻ đang chung sống với bàM. Sau khi ly hôn, bàM yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoài Khang; Nguyễn Huỳnh Tuệ Mẫn và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ Khang muốn sống chung với mẹ. ông N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông N về con chung giữa bàM và ông N nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà M, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bàM, giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh ngày: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ M, sinh ngày: 07/2/2018 cho bàM trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bàM không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc M đối với ông Nguyễn Hoài N:

Bà Huỳnh Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2018 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 4 năm 2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh ngày: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ M, sinh ngày: 07/02/2018.

Giao trẻ Nguyễn Hoài Kh, sinh ngày: 06/6/2012 và Nguyễn Huỳnh Tuệ Mẫn, sinh ngày: 07/02/2018 cho bà Huỳnh Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoài N có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Huỳnh Ngọc M và ông Nguyễn Hoài N đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0008835 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4 bà M đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan

Nơi nhận:

- Đương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).